TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày: 27 - 5 -2022
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Ánh

Các thẩm phán: bà Nguyễn Thúy Hằng.

ông Bùi Đức Thanh.

- Thư ký phiên toà: bà Phạm Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử số 4, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 77/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2021 về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 08/11/2021 của Toà án nhân dân thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh bị ông Hoàng Trung K là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Quốc Đ là nguyên đơn kháng cáo; và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2022/QĐ-PT ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1934.

Trú tại: thôn Đ T, xã N A, huyện H L, tỉnh N B, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Hoàng Trung K, địa chỉ: số nhà 64, đường T T, phố P C2, phường N T, thành phố N B, tỉnh N B (Giấy ủy quyền ngày 23/12/2019), có mặt tại phiên tòa ngày 25/5/2022, vắng mặt khi tuyên án ngày 27/5/2022.

2. Bị đơn: ông Tạ Hữu Đ sinh năm 1963.

Trú tại: tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Bùi Duy P, địa chỉ: Công ty Luật Vũ Anh, số 84, phố Văn Lang, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh (Giấy ủy quyền ngày 12/01/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Hoàng Thị Phương; địa chỉ: Công ty Luật V A, số 84, phố V L, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa ngày 25/5/2022, vắng mặt khi tuyên án ngày 27/5/2022.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên qua:

- UBND thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ trụ sở: số 3, phố Bến Đoan, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền ông Đ Quốc H – chức vụ: phó phòng Tài nguyên và môi trường UBND thành phố H L, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- UBND phường H G, thành phố H L.

Địa chỉ trụ sở: phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền ông Đàm Nam Trung – chức vụ: công chức địa chính – xây dựng – đô thị - môi trường UBND phường H G, thành phố H L, vắng mặt.

- Bà Vũ Thị M sinh năm 1975, trú tại thôn Đ T, xã N A, huyện H L, tỉnh N B, vắng mặt

- Bà Hoàng Thị N sinh năm 1968, trú tại: tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị N: bà Nguyễn Thị Thanh N, địa chỉ: Công ty Luật V A, số 84, phố V L, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh (giấy ủy quyền ngày 12/01/2022), có mặt.

- Người kháng cáo: ông Hoàng Trung K là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Quốc Đ, có mặt tại phiên tòa ngày 25/5/2022, vắng mặt khi tuyên án ngày 27/5/2022.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Quốc Đ là cán bộ Công ty than Hòn Gai đã nghỉ hưu từ ngày 01/02/1990 theo Quyết định số 2366/QĐ ngày 18/12/1989. Năm 1991 ông Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý nhượng bán cho 01 gian nhà cấp 4 thuộc khu nhà tập thể gia đình số 10A (10B) diện tích 19m^2 với giá 621.708 đồng theo Quyết định số 2468/NL-THG/VP1 ngày 04/10/1991 của Công ty than Hòn Gai. Kèm theo đó là biên bản bàn giao nhà ngày 04/10/1991 giữa đại diện Công ty than Hòn Gai với ông Vũ Quốc Đ.

Khi ở gian nhà được thanh lý ông Đ có đồ dùng gồm: 01 giường, 01 tủ đứng (trong có giấy tờ: sổ hộ khẩu mang tên Vũ Quốc Đ, Quyết định thanh lý nhà, Biên bản bàn giao nhà và giấy tờ khác), 01 bộ bàn ghế, 01 quạt trần, 02 quạt bàn và dụng cụ sinh hoạt gia đình. Sau khi nghỉ hưu, ông Đ khóa cửa nhà để về thôn Đ T, xã N A, huyện H L, tỉnh N B sống cùng vợ, con.

Trong thời gian ông Đ về thôn Đ T, xã N A, huyện H L, tỉnh N B sống, ông Tạ Hữu Đ đến đập khóa cửa vào ở tại nhà ông Đ mà không hỏi ý kiến, không được sự đồng ý của ông Đ. Ông Đ phá cửa tủ lấy toàn bộ giấy tờ, tài sản trong nhà thuộc quyền sở hữu của ông Đ.

Ngày 15/01/1997 ông Tạ Hữu Đ đã tự khai báo với cán bộ đo đạc bản đồ địa chính và địa phương là nhà đất của ông Đ, sau đó tự ý phá dỡ nhà cũ xây dựng nhà mới trên đất của ông Đ mà không được sự đồng ý của ông Đ.

Ngày 06/5/2007 ông Đ đã viết giấy chuyển nhượng nhà và đất thừa kế với chữ ký của ông Vũ Quốc Đ giả mạo, lừa chính quyền xã N A, huyện H L, tỉnh N B xác nhận chữ ký không có mặt ông Đ.

Từ những năm 2017 đến nay ông Vũ Quốc Đ đã yêu cầu ông Tạ Hữu Đ trả lại nhà, đất nhưng ông Đ không đồng ý.

Do đó ông Vũ Quốc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Hữu Đ trả lại 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 19m^2; trên diện tích đất 59,8m^2 hiện tại thuộc thửa đất số 79, tại tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh; trả lại tòan bộ tài sản cá nhân trong nhà đã bị ông Đ chiếm giữ trái pháp luật gồm có: 01 giường, 01 tủ đứng (trong có giấy tờ gồm: sổ hộ khẩu mang tên Vũ Quốc Đ, quyết định thanh lý nhà, biên bản bàn giao nhà và giấy tờ khác), 01 bộ bàn ghế, 01 quạt trần, 02 quạt bàn và dụng cụ sinh hoạt gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm yêu cầu ông Tạ Hữu Đ phải trả lại diện tích đất 48,6m^2 (theo kết quả đo đạc

hiện trạng xem xét thẩm định) thuộc thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07, tại tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh; giá trị khoảng 800.000.000đ; và 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 19m^2 khi được thanh lý, công trình phụ là nhà bếp, nhà chăn nuôi, 01 giường, 01 tủ đứng, 01 bộ bàn ghế, 01 quạt trần, 02 quạt bàn và dụng cụ sinh hoạt gia đình, không xác định được tình trạng tài sản và giá trị của tài sản như thế nào. Với lý do tại thời điểm trước khi ông Đ về quê sinh sống thì nhà đất và các tài sản đã có như liệt kê, chỉ có diện tích đất thay đổi và đề nghị Tòa án xác minh việc ông Đ được Công ty than Hòn Gai cấp các tài sản cá nhân. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không đưa ra căn cứ nào khác để chứng minh việc ông Đ có những tài sản trên và giá trị của những tài sản đó.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Bùi Duy P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm khai: Nguồn gốc thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07, tại tổ 12, khu 1, phường H , thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, hiện nay gia đình ông Tạ Hữu Đ đang sử dụng là do ông Vũ Quốc Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý cho 01 gian nhà cấp 4, khi ông Đ nghỉ hưu về quê sinh sống cùng vợ con đã chuyển giao cho ông Đ. Ông Đ đã sử dụng và đăng ký kê khai địa chính khi Nhà nước đo bản đồ địa chính năm 1997, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp thuế từ năm 2003 đến năm 2016, từ năm 2016 đến nay được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Năm 2007 ông Đ đã viết giấy chuyển nhà và đất thừa kế (có xác nhận của UBND xã N A, huyện H L, tỉnh N B), nội dung thể hiện ông Đ được phân 01 gian nhà và đất ở thuộc khu tập thể, giao toàn quyền cho ông Đ là cháu nuôi ở cùng, được quyền sở hữu và thừa kế nhà, đất của ông Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý. Sau đó ông Đ đã phá ngôi nhà cấp 4 cũ để xây dựng ngôi nhà 03 tầng trên thửa đất. Gia đình ông Đ sử dụng ổn định đến năm 2018 khi ông Đ làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ mới có ý kiến dẫn đến tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có quan điểm không đồng ý, với lý do ông Đ đã giao lại nhà, đất cho ông Đ, gia đình ông Đ đã xây dựng công trình, quản lý, sử dụng thửa đất ổn định, liên tục và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước do đó thửa đất thuộc quyền của ông Đ. Đối với yêu cầu đòi tài sản cá nhân trong nhà của ông Đ, bị đơn cũng không đồng ý do không có căn cứ chứng minh việc ông Đ có những tài sản cá nhân đó và tài sản bị ông Đ chiếm giữ hay ông Đ đã mang về quê.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: ngôi nhà cũ đã được chuyển giao cho ông Tạ Hữu Đ không còn trên thực tế. Người khởi kiện không đưa ra được căn cứ nào chứng minh đất thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Quốc Đ và các tài sản mà ông yêu cầu như thế nào, trị giá bao nhiêu, căn cứ nào để chứng minh có các tài sản đó; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M khai: bà May là con gái của ông Vũ Quốc Đ và bà Hoàng Thị C. Sau khi nghỉ hưu ông Đ khóa cửa nhà về quê sống. Ông Đ đã tự động phá nhà của gia đình bà, chiếm giữ nhà và giấy tờ. Bà May yêu cầu ông Đ phải trả lại nhà đất và toàn bộ giấy tờ cho ông Vũ Quốc Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N khai: bà Nga kết hôn cùng với ông Tạ Hữu Đ vào năm 1997, thời điểm đó ông Đ đang sinh sống tại nhà cấp 4 cũ trên thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07. Đến khoảng tháng 6/2007 vợ chồng bà xây dựng ngôi nhà 03 tầng trên nền đất của căn nhà cũ. Vợ chồng bà đã sinh sống ổn định tại thửa đất từ khi kết hôn đến nay, ông Đ không đến nhà hay có ý kiến gì, do đó bà Nga không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H L và UBND phường H G trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm có quan điểm: thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07, tại tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc do Công ty than Hòn Gai thanh lý nhượng bán cho ông Vũ Quốc Đ theo quyết định số 2468/NL-THG/V1 ngày 04/10/1991. Năm 1997 khi đo đạc bản đồ địa chính phường H G, thửa đất mang tên ông Tạ Hữu Đ. Quá trình sử dụng ông Đ đã xây dựng 01 ngôi nhà 03 tầng (việc xây dựng không có giấy phép và cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính) và thực hiện kê khai, nộp thuế sử dụng đất. Thửa đất hiện thuộc quy hoạch khu dân cư, trường hợp không có tranh chấp thì sẽ đủ điều kiện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H L giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Công ty than Hòn Gai và Tập đoàn Công nghiệp Than – khoáng sản Việt Nam cung cấp thông tin: kể từ khi thanh lý nhượng bán tài sản đến nay đã 30 năm, qua nhiều giai đoạn luân chuyển, quản lý cũng như chuyển đổi mô hình doanh nghiệp nên không còn lưu trữ tài liệu, hồ sơ thanh lý đối với tài sản là gian nhà thuộc lô 10B (A) Văn phòng Công ty than mà Công ty than Hòn Gai đã thanh lý cho ông Vũ Quốc

Đ, và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc ông được cấp tài sản gồm: giường, tủ đứng, bộ bàn ghế, quạt trần, quạt bàn và dụng cụ sinh hoạt gia đình, do đó không thể cung cấp tài liệu, hồ sơ thanh lý cũng như thông tin về hiện trạng nhà, đất tại thời điểm thanh lý, nhượng bán năm 1991, các tài sản Công ty đã cấp cho ông Đ cho đến khi nghỉ hưu. Đến nay thửa đất số 79 tờ bản đồ số 7, tại tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L không thuộc ranh giới, diện tích được giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than – khoáng sản Việt Nam quản lý, sử dụng.

UBND xã N A, huyện H Lu, tỉnh N B cung cấp thông tin: Đối với nội dung xác nhận của UBND xã và chữ ký của cán bộ tư pháp ông Đàm Văn Quang, chủ tịch UBND xã N A ông Tạ Đức Nhàn ngày 07/5/2007 trên Giấy chuyển nhà và đất thừa kế đề ngày 06/5/2007 của ông Vũ Quốc Đ là đúng với nội dung đã xác nhận. Không có sự việc bà Tạ Thị Mai phó chủ tịch UBND xã gọi điện thoại cho ông Nguyễn Như Toàn để thông báo việc ông Tạ Hữu Đ cầm sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ông Đ đến UBND xã xin xác nhận.

Người làm chứng ông Vũ Văn H khai: từ năm 1969 ông đã sinh sống ở khu tập thể Công ty than Hòn Gai đến nay và ông làm tổ trưởng tổ dân từ khoảng 1970 đến tháng 3/2020. Ông Vũ Quốc Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý cho 01 gian nhà tập thể cấp 4, ông Đ sống một mình, vợ con không sống cùng, chỉ có con gái ông Đ ra chơi và ở cùng một thời gian, sau khi nghỉ hưu một thời gian ngắn ông Đ về quê sinh sống. Ông Tạ Hữu Đ có ở cùng ông Đ thời gian trước khi ông Đ về quê sống, khi ông H đến kiểm tra nhân khẩu thì ông Đ có nhận ông Đ là cháu cho ở cùng. Còn cụ thể việc ông Đ và ông Đ thỏa thuận với nhau như thế nào thì ông H không biết. Ông H khẳng định không có sự việc ông Đ tự ý phá cửa nhà ông Đ để vào ở, ông H không biết trong nhà ông Đ có những tài sản gì. Về hiện trạng gian nhà tập thể của ông Đ không có công trình phụ gì.

Người làm chứng ông Lê Quang S khai: từ năm 1957 ông đã sinh sống ở khu 1, phường H G đến nay và là khu trưởng từ năm 1999 đến năm 2016. Ông Vũ Quốc Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý cho 01 gian nhà tập thể cấp 4, phía sau có công trình phụ và bếp. Do ông Đ là trưởng phòng của Công ty được cấp tủ đứng, bộ bàn ghế gỗ, giường. Ông Đ sống một mình, vợ ông Đ thỉnh thoảng ra chơi, còn con gái ở cùng một thời gian ngắn. Sau khi ông Đ nghỉ hưu về quê sống, thì ông Đ chuyển đến ở gian nhà tập thể cùng với cháu ruột của ông Đ. Sau khi về quê sống,

ông Đ có ra H L chơi khoảng 02 đến 03 lần, và có đến nhà ông Đ. Không có sự việc ông Đ tự ý phá cửa nhà ông Đ để vào ở.

Người làm chứng ông Nguyễn Duy D khai: ông hiện nay là tổ trưởng tổ dân, và đã sinh sống tại tổ 12, khu 1, phường H G từ năm 1969. Thời điểm ông Vũ Quốc Đ sống ở thành phố H L có ở trong 01 gian nhà tập thể cấp 4, bà Vũ Thị M là con gái ông Đ có ra ở cùng ông Đ một thời gan. Sau khi về quê sống, ông Đ có vài lần ra H L chơi, đến thăm gia đình ông D. Về hiện trạng nhà, đất của ông Đ được thanh Lý, tài sản trong nhà và việc ông Tạ Hữu Đ đến ở nhà ông Đ như thế nào thì ông D không biết,

Người làm chứng Bà Nguyễn Thị L khai: bà là hàng xóm sống tại khu nhà tập thể Công ty than Hòn Gai từ năm 1983, cùng thời điểm với ông Vũ Quốc Đ. Ông Đ sống một mình trong 01 gian nhà tập thể cấp 4, không có công trình phụ, và bà không biết trong nhà ông Đ có những tài sản gì, ông Đ không sống cùng ông Đ. Sau khi ông Đ về quê một thời gian thì ông Tạ Hữu Đ đến ở, bà chỉ nghe nói ông Đ là bạn của cháu ông Đ, ở cùng quê với ông Đ, ông Đ nhận ông Đ là con nuôi để sau này lương tựa.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 79 tờ bản đồ số 7, tại tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, có diện tích 48,6m^2; trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích sàn 36m^2, được xác định loại đất là đất ở; giá trị thửa đất là 87.480.000đ; giá trị công trình nhà ở là 469.439.000đ.

Tại kết luận giám định số 759/KLGĐ ngày 26/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: đoạn chữ viết có nội dung bắt đầu bằng các từ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".....kết thúc bằng các từ "…vậy kính đề nghị UBND xã chứng thực giấy như trên" so với chữ viết "Tạ Hữu Đ" dưới mục "Cháu thừa kế" trong "Giấy chuyển nhà và thừa kế" đề ngày 06/5/2007 có xác nhận ghi của "UBND xã N A H H L T N B" ngày 07/5/2007 là do cùng một người viết ra.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H L đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc Đ đối với ông Tạ Hữu Đ. Về việc buộc ông Tạ Hữu Đ phải trả lại diện tích đất 48,6m^2 thuộc thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07, tại tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 19m^2 được thanh lý và công trình phụ là nhà bếp, nhà chăn nuôi, 01 giường, 01 tủ đứng (trong có sổ hộ khẩu, quyết định thanh lý nhà, biên bản bàn giao nhà và giấy tờ khác), 01 bộ bàn ghế, 01 quạt trần, 02 quạt bàn và dụng cụ sinh hoạt gia đình.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định, về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2021 ông Hoàng Trung K là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Quốc Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (không có giấy ủy quyền của ông Đ ủy quyền cho ông K thực hiện quyền kháng cáo).

Ngày 06/12/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định kháng nghị số: 01 QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H L. Kkháng nghị về tố tụng, về nội dung, về nhận định của bản án và áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án, cụ thể:

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập, đủ cơ sở xác định: ông Vũ Quốc Đ là cán bộ Công ty than Hòn Gai được ở trong căn nhà tập thể diện tích 19m^2 cùng một số đồ dùng sinh hoạt như: giường, tủ đứng, bàn ghế….năm 1991, ông được Công ty than Hòn Gai phân thanh lý căn nhà và bàn giao toàn bộ căn nhà, nên theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì ông Đ và vợ là bà Hoàng Thị C được xác lập quyền sở hữu nhà. Đối với quyền sử dụng đất gắn liền với căn nhà, vợ chồng ông Đ cũng được Nhà nước hợp thức hóa, xác lập quyền sử dụng đất theo Điều 10 Nghị định 61-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ. Theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật dân sự năm 1995, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà của vợ chồng ông Đ chỉ bị chấm dứt khi vợ chồng ông Đ chuyển quyền cho người khác theo quy định của pháp luật.

Để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần thiết phải thu thập chứng cứ làm rõ những căn cứ chấm dứt quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với vợ

chồng ông Đ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn trong khi đơn khởi kiện của nguyên đơn chưa đảm bảo, quá trình giải quyết lại chưa thu thập đầy đủ chứng cứ cần thiết, là vi phạm Điều 189, 97 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

Thứ nhất: Đơn khởi kiện không đảm bảo hình thức:

Đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 có nội dung thể hiện: người khởi kiện là ông Vũ Quốc Đ và người được ông Đ ủy quyền là ông Hoàng Quốc T theo giấy ủy quyền lập ngày 02/10/2018, ông Đ khởi kiện ông Đ đòi lại tài sản nhà, quyền sử dụng đất. Tuy nhiên phần cuối đơn thể hiện chữ ký của người khởi kiện lại duy nhất do ông Hoàng Quốc T ký, ông Vũ Quốc Đ không có chữ ký xác nhận hoặc điểm chỉ là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai: Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đó là:

- Chưa thu thập ý kiến của Ủy ban nhân dân phường H G làm rõ: Hiện thửa đất tranh chấp đã được gia đình ông Đ kê khai, làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa? Thu thập tài liệu kèm theo (nếu có).

- Không giám định tài liệu bị tố giả mạo.

Quá trình giải quyết, bị đơn cung cấp Giấy chuyển nhượng nhà và thừa kế do chính mình viết đề ngày 06/5/2007, có nội dung: ông Đ về nghỉ hưu ở quê giao toàn quyền cho cháu nuôi được quyền sở hữu và thừa kế nhà và đất ở (đang tranh chấp), được ông Vũ Quốc Đ (chủ sở hữu tài sản), ông Đàm Văn Quang (cán bộ tư pháp xã) và ông Tạ Đức Nhàn (Chủ tịch UBND xã N A, huyện H L, tỉnh N B) ký, xác nhận ngày 7/5/2007.

Trong suốt quá trình khởi kiện đòi nhà, đất và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có quan điểm không chấp nhận văn bản này vì cho rằng: phần chữ ký ghi rõ tên" Vũ Quốc Đ" là giả mạo, không phải do ông Đ ký, viết. Tòa án không quyết định trưng cầu giám định tài liệu bị tố giả mạo này để làm căn cứ giải quyết vụ án là vi phạm khoản 1 Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không ghi lời khai của những người tham gia chứng thực giao dịch ông Đàm Văn Quang, ông Tạ Đức Nhàn để làm rõ việc ông Đ đã tự nguyện giao kết.

- Không hỏi ông Đ làm rõ quan điểm của bà C có thống nhất khi ông Đ chuyển quyền sở hữu nhà, đất cho ông Đ.

Thứ ba: Bản án nhận định không phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản án cho rằng: *ông Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý 01 gian nhà cấp 4, không được thanh lý quyền sử dụng đất gắn liền với ngôi nhà, vì vậy quyền sử dụng đất đối với gian nhà thanh lý cho ông Đ vẫn thuộc Công ty than Hòn Gai*; do Công ty than Hòn Gai có quan điểm không quản lý nên đất này thuộc quyền quản lý của UBND phường H G. Ông Đ không kê khai địa chính, ông Đ đã sử dụng đất không có giấy tờ ổn định từ trước ngày 01/7/2004, đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; từ đó Bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Nhận định này sai lầm ở chỗ:

- Năm 1991, ông Đ được Công ty than Hòn Gai thanh lý nhà cấp 4 có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà Nước giao cho doanh nghiệp, ông Đ đã hoàn tất việc nộp tiền cho Công ty than nên có căn cứ để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo Điều 10 Nghị định 61-CP.

Điều 10 Nghị định 61-CP ngày 05/7/1994 quy định: người mua nhà sau khi trả hết tiền và hoàn tất thủ tục nộp lệ phí trước bạ thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở....

- Người sử dụng đất có căn nhà cấp 4 được thanh lý (ông Đ) thuộc trường hợp sử dụng đất có giấy tờ hợp lệ theo điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013. Nhưng Bản án lại cho rằng ông Đ không được quyền sử dụng đất, ông Đ thuộc trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ trước ngày 01/7/2004 nên đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như có ngôi nhà cấp 4, là không đảm bảo.

Thứ tư: Về áp dụng pháp luật:

Nguyên đơn cho rằng căn nhà thuộc quyền sở hữu của mình đang bị người khác chiếm hữu trái phép, nên đã khởi kiện đòi nhà, quyền sử dụng đất để bảo vệ quyền sở hữu. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng phần Quyết định lại không viện dẫn các quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai để giải quyết vụ án là vi phạm điểm c, khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; và chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm, để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ để Tòa án nhân dân thành phố H L giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng nghị trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Hoàng Trung K được thực hiện trong thời hạn luật định, nhưng không được sự ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Quốc Đ. Trong Giấy ủy quyền lập ngày 23/12/2019 của ông Đ ủy quyền cho ông Hoàng Trung K ghi ông Vũ Quốc Đ ủy quyền cho ông Hoàng Trung K tham gia vụ án theo Thông báo thụ lý vụ án số: 52/2019/TB-TLVA ngày 14/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày xác nhận ủy quyền đến khi kết thúc vụ án. Vụ án kết thúc khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án. Tại bản án sơ thẩm cũng ghi rõ nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Quốc Đ không tự mình kháng cáo, cũng không có văn bản ủy quyền cho ông Hoàng Trung K là người đại diện theo ủy quyền kháng cáo. Ngày 23/11/2021 Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo số 50/TB-TA gửi ông Vũ Quốc Đ về việc yêu cầu làm lại, sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo. Nội dung thông báo nêu rõ: theo Giấy ủy quyền ngày 23/12/2019 của ông Đ ủy quyền cho ông Hoàng Trung K không có nội dung ủy quyền cho người

đại diện theo ủy quyền được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông Vũ Quốc Đ và người đại diện theo ủy quyền phải cung cấp văn bản ủy quyền có nội dung ủy quyền cho ông K được quyền kháng cáo, có công chứng hoặc chứng thực; hoặc phải sửa đổi đơn kháng cáo. Nếu hết thời hạn do Tòa án ấn định mà không sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo theo yêu cầu của Tòa án thì đơn kháng cáo được coi là không hợp lệ. Nhưng sau đó, đến ngày 06/12/2021 Tòa án cấp sơ thẩm lại tiếp tục ra thông báo số: 7146/TB-TA, với nội dung yêu cầu ông Vũ Quốc Đ có ý kiến bằng văn bản về việc ông Đ có đồng ý với nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền hay không? Nếu ông Đ đồng ý với nội dung kháng cáo thì có đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm hay không? Ông Vũ Quốc Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ không cung cấp văn bản ủy quyền có nội dung ủy quyền cho ông K được quyền kháng cáo, có công chứng hoặc chứng thực; cũng không sửa đổi đơn kháng cáo theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo trả lại đơn kháng cáo mà lại ra thông báo về việc kháng cáo số: 50/2021/TB-TA ngày 21/12/2021 là trái với quy định tại khoản 6 Điều 272, điểm b khoản 4 Điều 274 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Hoàng Trung K không hợp lệ, vì vậy không được xem xét.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

[2.1]. Xét nội dung kháng nghị về hình thức đơn khởi kiện: "*đơn khởi kiện ngày 22/2/2019 có nội dung thể hiện người khởi kiện là ông Vũ Quốc Đ và người được ông Đ ủy quyền là ông Hoàng Quốc T theo giấy ủy quyền lập ngày 02/10/2018, ông Đ khởi kiện ông Đ đòi lại tài sản nhà, quyền sử dụng đất. Tuy nhiên phần cuối đơn thể hiện chữ ký của người khởi kiện lại duy nhất do ông Hoàng Quốc T ký, ông Vũ Quốc Đ không có chữ ký xác nhận hoặc điểm chỉ là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự"*. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 (BL số 28) ghi người khởi kiện là ông Vũ Quốc Đ, nhưng cuối đơn ký tên người khởi kiện lại là ông Hoàng Quốc T.

Đơn khởi kiện do ông Hoàng Quốc T viết và ký tên có nội dung ghi " ..*Vì tuổi cao, sức yếu, không đi lại xa xôi được; ông Vũ Quốc Đ ủy quyền cho ông Hoàng Quốc T là người đại diện hợp pháp khởi kiện Tòa án để đòi lại nhà và thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07, tổ 12, khu 1, phường H G, TP H L, tỉnh Quảng Ninh*". Tuy nhiên,

hồ sơ vụ án không có giấy ủy quyền, hoặc hợp đồng ủy quyền của ông Đ ủy quyền cho ông Hoàng Quốc T được quyền khởi kiện ông Tạ Hữu Đ tại Tòa án để đòi lại nhà và thửa đất số 79 tờ bản đồ số 07, tổ 12, khu 1, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh như nội dung đơn khởi kiện của ông Hoàng Quốc T viết nêu trên.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết đơn kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó của đương sự. Việc làm đơn khởi kiện của cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

"a) Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, cá nhân đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;

b) Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;"

Căn cứ vào phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định ông Hoàng Quốc T không phải là chủ thể có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn khởi kiện do ông Hoàng Quốc T viết ngày 22/02/2019 không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự mà tiến hành thụ lý vụ án là không đúng pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mà mở phiên tòa xét xử vụ án là không đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thụ lý đơn khởi kiện, nên thuộc trường hợp hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm xác định bản án án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về

thủ tục tố tụng, về nội dung, về nhận định của bản án và về áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án; và đề nghị áp dụng Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện không đúng pháp luật và thuộc trường hợp hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2017 Bộ luật tố tụng dân sự, nên phải áp dụng Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự mới chính xác.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị hủy bản án sơ thẩm, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị chuyển hồ sơ vụ án lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2]. Do có vi phạm nghiêm trọng trong thụ lý đơn khởi kiện và thuộc trường hợp hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy các nội dung kháng nghị khác về thu thập chứng cứ, về nhận định của bản án, về áp dụng pháp luật, không đề cập.

[3]. Về chi phí tố tụng: chi phí giám định, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: nguyên đơn là người yêu cầu giám định, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ; Tòa án đã trưng cầu và đã tiến hành giám định, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản, Hội đồng thẩm định đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Vì vậy nguyên đơn phải chịu chi phí giám định với số tiền 3.060.000đ, chi phí định giá tài sản với số tiền 1.500.000đ, và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đ, theo quy định tại khoản 5 Điều 161, khoản 5 Điều 165 và khoản 5 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí mà nguyên đơn đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí chi phí giám định, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Quốc Đ được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Hoàng Trung K không hợp lệ nên không được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tuyên xử:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 08/11/2021 của Toà án nhân dân thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh; đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 14/3/2019 về việc kiện đòi tài sản giữa .

Nguyên đơn: ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1934.

Bị đơn: ông Tạ Hữu Đ sinh năm 1963.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên qua:

- UBND thành phố H L.
- UBND phường H G, thành phố H L.
- Bà Vũ Thị M
- Bà Hoàng Thị N

Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

Ông Vũ Quốc Đ được quyền khởi kiện lại vụ án.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về án phí: ông Vũ Quốc Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP H L.
- VKSND tỉnh QN.
- THADS TP H L.
- Các đương sự.
- Luu HS - VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh